

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH PHƯỚC
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 – 9 – 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hường
2. Bà Mai Thị Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đồng Mây Hồng Tuyên – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoa Lê – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 171/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/5/2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/9/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 17/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân N, sinh năm 2003. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Hồ Quang H, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2024 cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Hồ Quang H chung sống với nhau tự nguyện từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N ngày 16/5/2022. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, cãi vã

nhau do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H không quan tâm vợ con. Hiện vợ chồng không còn chung sống từ năm 2023 đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm thăm hỏi nhau. Nay tình cảm của bà với ông H không còn, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có một người con chung là cháu Hồ Quang A, sinh 01/4/2022 hiện đang sống với bà, bà yêu cầu tiếp tục được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết bị đơn ông Hồ Quang H vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Nên ông H không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước phát biểu về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt hợp lệ đúng quy định của pháp luật và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS là có căn cứ.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Hồ Quang H chung sống với nhau từ năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, sống ly thân, không quan tâm nhau. Đề nghị HĐXX, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân N. Về con chung: Từ khi thụ lý đến khi xét xử, bị đơn vắng mặt không có ý kiến về con chung, hiện cháu Hồ Quang A đang sống với bà N và được bà N chăm sóc tốt. Nên giao con chung Hồ Quang A cho bà Nguyễn Thị Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Xuân N khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xin ly hôn và yêu cầu giải quyết con chung với ông Hồ Quang H trú tại thôn N, xã P, huyện N. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với bị đơn là ông Hồ Quang H trong quá trình từ khi thụ lý vụ án, tiến hành phiên họp, hòa giải đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông H cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung khởi kiện:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Hồ Quang H chung sống với nhau từ năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện N ngày 16/5/2022 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do không phù hợp về quan điểm sống, ông H bỏ mặc không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Mặt khác, ông H đã được thông báo và biết được việc khởi kiện cũng như các nội dung yêu cầu của bà N, nhưng ông H vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày tại Tòa án, từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Chứng tỏ ông H không còn quan tâm, không muốn hàn gắn lại tình cảm với bà N làm cho hôn nhân vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà N đề nghị được ly hôn với ông H là có căn cứ, có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Xuân N và ông Hồ Quang H có một người con chung là cháu Hồ Quang A, sinh 01/4/2022 hiện đang sống với bà N. Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử ông H vắng mặt, không có ý kiến gì đối với yêu cầu về con chung của bà N, mặt khác cháu A đang sống với bà N và được bà N chăm sóc tốt. Vì vậy, cần giao cháu Hồ Quang A cho bà Nguyễn Thị Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Phước tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của bà N.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân N được ly hôn với ông Hồ Quang H.

2. Về con chung: Giao cháu Hồ Quang A, sinh 01/4/2022 cho bà Nguyễn Thị Xuân N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Hồ Quang H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Xuân N phải chịu 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0004358, ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước. Bà N đã nộp đủ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/9/2024), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh;
- VKSND Ninh Phước;
- Chi cục THADS Ninh Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã Phước Sơn;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Cường

